

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản sét gạch ngói và vật liệu san lấp tại xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước”
(Trữ lượng tính đến tháng 04 năm 2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 30/GP-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại phiên họp ngày 20/4/2018 và phiên họp ngày 18/7/2019; Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại Đô Thành tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 30 tháng 7 năm 2019, nộ chỉnh sửa bổ sung ngày 30/7/2019;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 496/TTr-STNMT ngày 13/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản sét gạch ngói và vật liệu san lấp tại xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước”, với các nội dung chính sau:



1. Diện tích khu vực thăm dò là 22,75ha, diện tích phê duyệt trữ lượng là 20,47ha (*Bằng chữ: Hai mươi phẩy bốn mươi bảy hecta*), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản sét gạch ngói và vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo:

a) Trữ lượng sét gạch ngói cấp (121+122) là 940.873 m³, trong đó:

- Trữ lượng cấp 121: 406.051 m³.

- Trữ lượng cấp 122: 534.822 m³.

b) Trữ lượng vật liệu san lấp cấp (121+122) là 915.369 m³, trong đó:

- Trữ lượng cấp 121: 243.060 m³.

- Trữ lượng cấp 122: 672.309 m³.

3. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản sét gạch ngói và vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành:


1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TN&MT, CT, XD;
- Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại Đô Thành;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CC CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỦ TỊCH

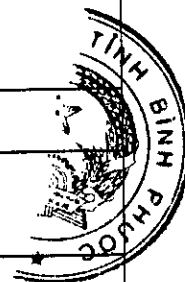


Huỳnh Anh Minh

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN SÉT GẠCH NGÓI VÀ
VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ AN KHƯƠNG, HUYỆN HÓN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

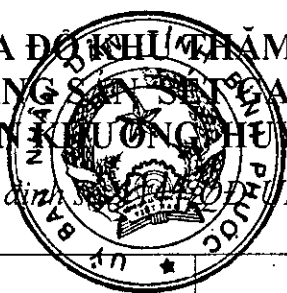
(Kèm theo Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
I. Sét gạch ngói				
1	1-121	Đến cote +60,5m	406.051	
Tổng cấp 121			406.051	
2	2-122	Đến cote +60,5m	379.830	
3	3-122	Đến cote +60,5m	154.992	
Tổng cấp 122			534.822	
121 + 122			940.873	
II. Vật liệu san lấp				
1	1-122	Đến cote +60,5m	243.060	
Tổng cấp 121			243.060	
2	2-122	Đến cote +60,5m	290.595	
3	3-122	Đến cote +60,5m	381.714	
Tổng cấp 122			672.309	
121+122			915.369	



**TỌA ĐỘ KHU THẨM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOẢNG SÀNG SÉT GẠCH NGÓI VÀ VẬT LIỆU SAN LẤP
TẠI XÃ AN KHUÔNG, HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 120/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh)



Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (mũi chiều 3 độ)	
	X (m)	Y (m)
1	1295565	547584
2	1295566	547633
3	1295445	547769
4	1295446	548207
5	1295046	548135
6	1295047	547698
7	1295218	547754
8	1295345	547760
9	1295350	547626
10	1295231	547590
11	1295047	547569
12	1295047	547491